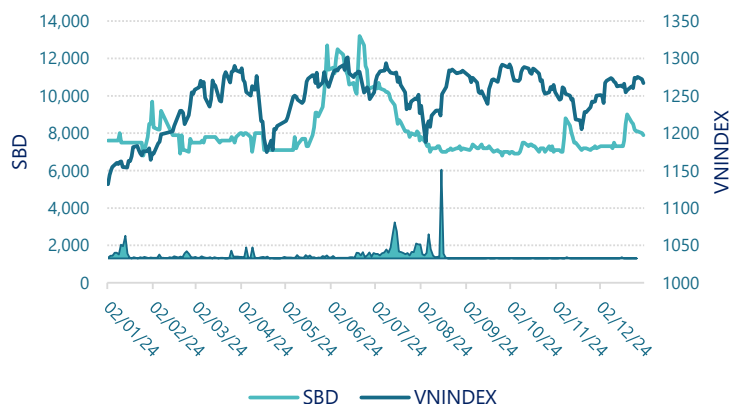


CTCP Công nghệ Sao Bắc Đẩu (UPCOM: SBD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	7,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,800
SL cổ phiếu LH	13,916,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)	68,980
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	110
P/E	51.2
EPS	154

DT thuần

Q4/24

254

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.0 | 16.4%

YoY: ▼ 24.0 | -8.7%

LN sau thuế

Q4/24

1.28

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 19.3 | -93.8%

YoY: ▼ 6.58 | -83.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.5%

+/- YoY: ▼ 5.5%

DT thuần

2024

692

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 176 | -20.3%

LN sau thuế

2024

2.61

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 40.6 | -94.0%

ROE

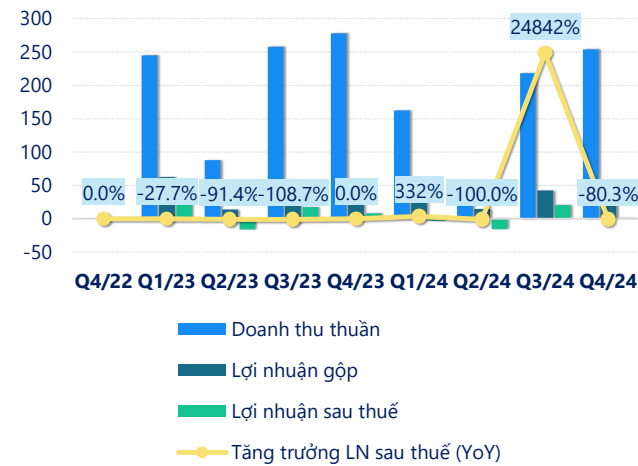
2024

1.4%

#VALUE!

tỷ VNĐ

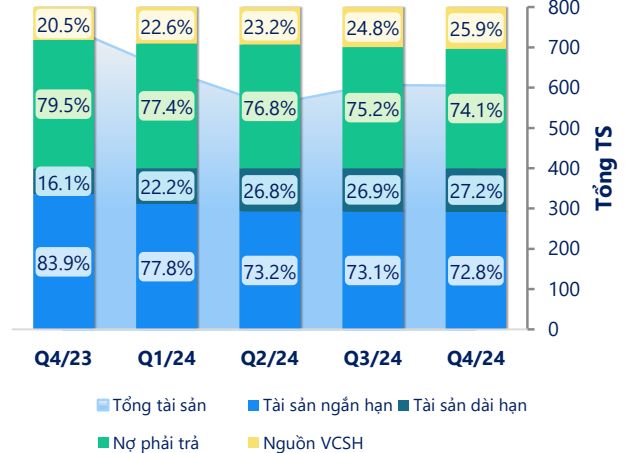
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

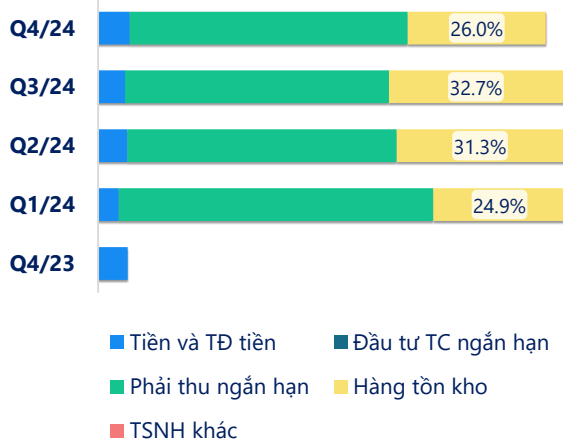
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



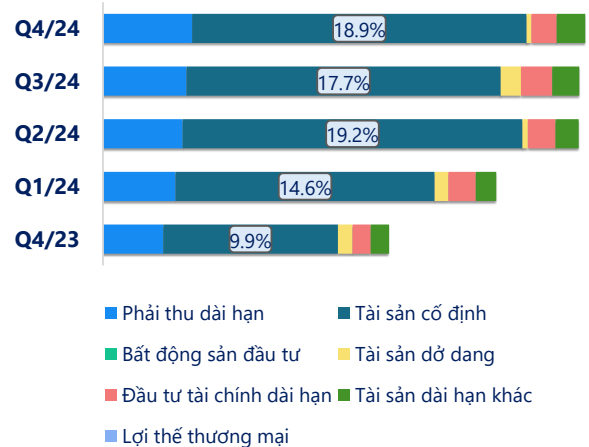
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

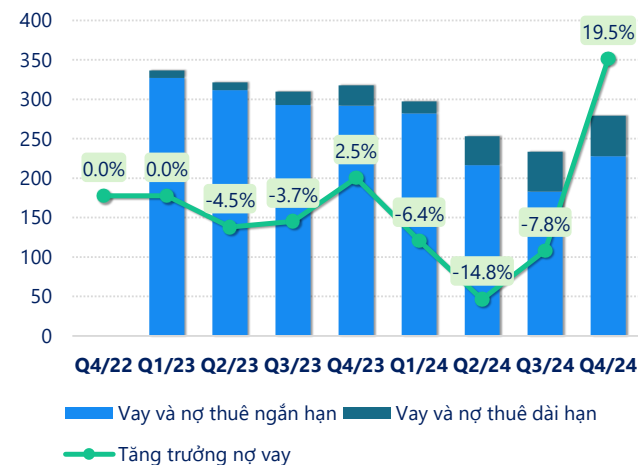
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

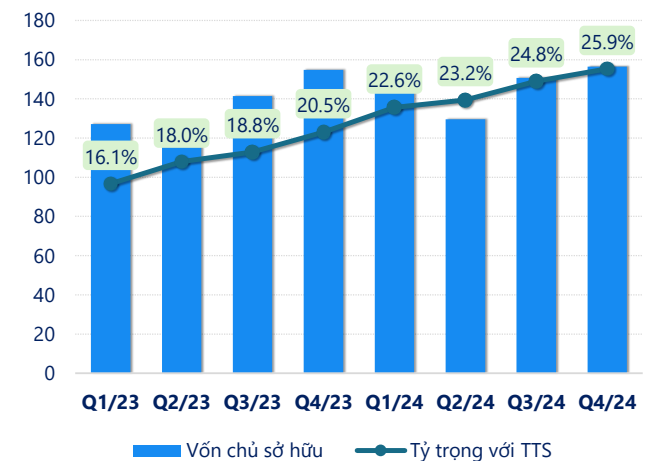
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

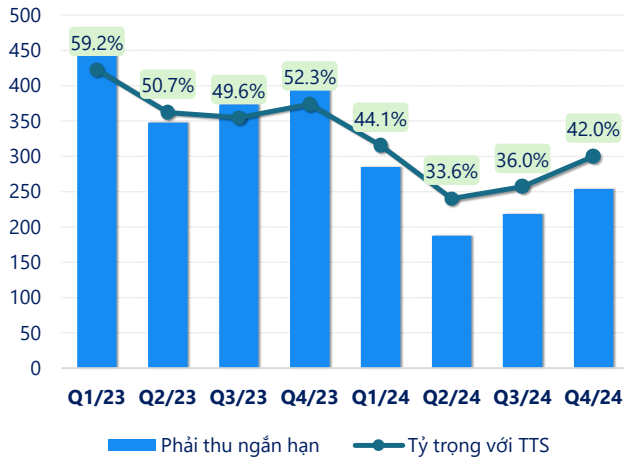
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



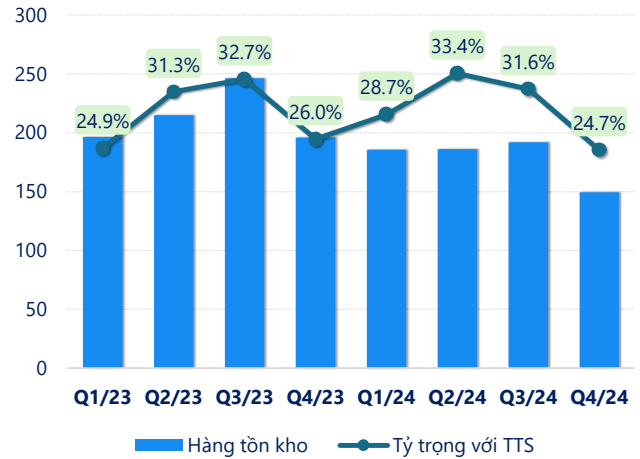
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


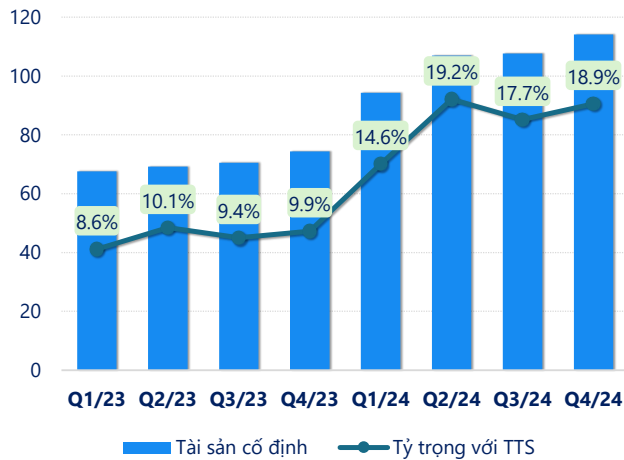
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


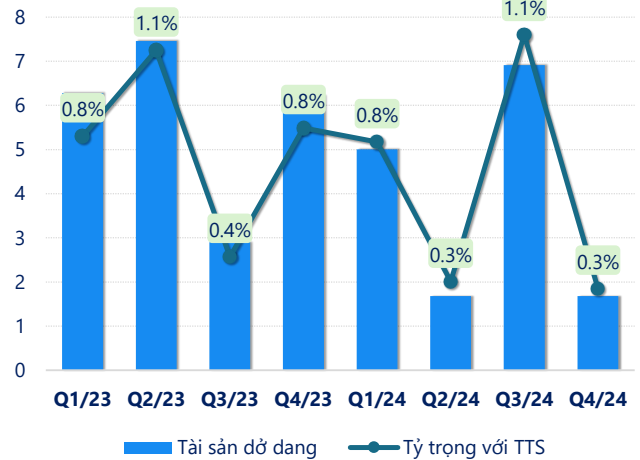
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

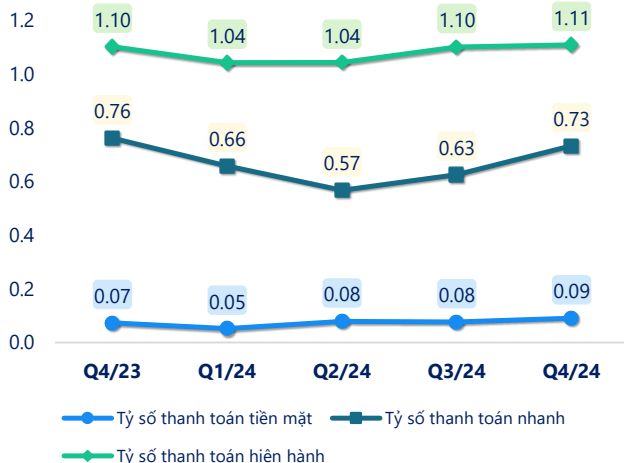
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

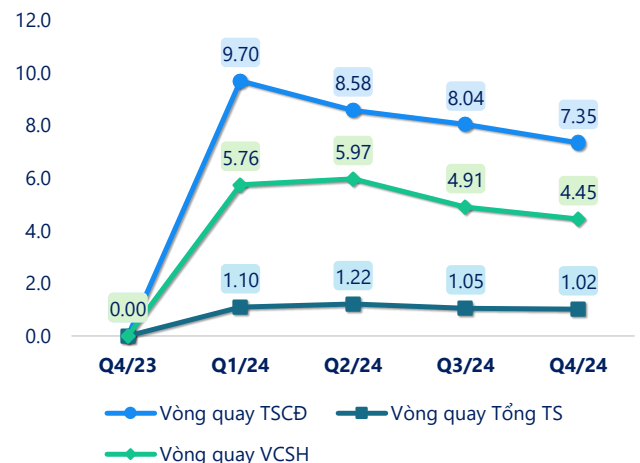
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	755	645	557	607	604
Tài sản ngắn hạn	633	502	408	444	440
Tiền và tương đương tiền	42.0	25.0	30.7	30.7	35.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	6.62	0.50	0.50	0.50
Phải thu ngắn hạn	395	285	187	218	254
Hàng tồn kho	196	185	186	192	149
Tài sản ngắn hạn khác	0.23	0.46	3.08	2.52	0.46
Tài sản dài hạn	122	143	150	163	165
Phải thu dài hạn	25.7	26.4	25.0	28.5	30.4
Tài sản cố định	74.4	94.3	107	108	114
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.22	5.01	1.68	6.92	1.68
Đầu tư tài chính dài hạn	7.73	9.99	8.67	10.7	8.54
Tài sản dài hạn khác	7.91	7.43	7.34	9.31	9.82
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	600	500	428	456	448
Nợ ngắn hạn	574	482	391	403	397
Vay và nợ thuê ngắn hạn	292	282	217	183	228
Phải trả người bán ngắn hạn	137	127	84.1	115	79.5
Nợ dài hạn	26.1	17.9	37.0	53.3	51.3
Vay và nợ thuê dài hạn	25.4	15.0	36.5	50.6	51.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	155	146	130	151	156
Vốn chủ sở hữu	155	146	130	151	156
Vốn điều lệ	139	135	135	135	139
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)